

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**Bản án số: 70/2020/HS-ST
Ngày: 24- 9 - 2020**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Châu
2. Ông Trần Đại Nghĩa

– Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2020/TLST –HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: T – sinh năm: 1991; Nơi sinh: Ninh Thuận; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông M (chết) và bà H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Anh T1 – sinh năm: 1978; Trú tại: ấp B, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Chị M1 – sinh năm: 1976; Trú tại: ấp ĐB, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

– **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh L – sinh năm: 1977; Trú tại: Thôn TL, xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

– **Người làm chứng:**

Anh B – sinh năm: 1972; Trú tại: Ấp NĐ, phường BS, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Anh Đ - sinh năm: 1965; Trú tại: ấp B, xã K, huyện TN. (Vắng mặt)

Anh T2 – sinh năm: 1990; Trú tại: ấp PN, Xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và anh T1 – sinh năm: 1978, (Trú tại: ấp ĐB, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai), cùng đi làm bốc vác thuê tại xưởng cày ở GK (khoảng 1 năm), sau đó T nghỉ việc và chuyển đến thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng làm thuê bốc vác cà phê. Ngày 22/12/2019, T đón xe từ Đà Lạt về xã GK chơi với anh T1 và những người làm chung trước đó. Sáng ngày 25/12/2019 (là ngày Noel, nghỉ làm), T và T1 rủ nhau đi uống rượu tại rẫy của 01 người tên C tại ấp B, xã GK. Sau khi uống rượu đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, anh T1 rủ T về nhà mình tiếp tục uống rượu cùng với anh B, anh T2 (là em vợ và em trai của anh T1). Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, do uống rượu bia nhiều nên anh T1 đã đi ngủ. Quan sát thấy xe mô tô biển số 60N3 – 2132, đang dựng trước nhà, chìa khóa cắm sẵn trên xe nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Lợi dụng lúc không ai để ý, T đã đi ra ngoài lấy xe mô tô biển số 60N3 – 2132, chạy ra đường trước nhà anh Tuấn, mở cốp xe lấy bóp da thì thấy trong bóp có giấy đăng ký xe, T lấy giấy chứng nhận đăng ký xe rồi rút bỏ bóp da tại bờ rào (cách nhà anh T1 5m), sau đó ngồi lên xe, mở khóa, đề máy và điều khiển ra hướng Quốc lộ 20 và đi về xã TH, huyện NT, tỉnh Ninh Thuận. Tại đây, T đã bán xe cho anh L – sinh năm: 1977, trú tại: xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận với giá là 1.500.000đ và đã tiêu xài cá nhân hết nhưng sau đó đã hoàn trả số tiền này cho anh L.

Đến ngày 22/6/2020, T bị bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 07/LBTG ngày 27/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TN. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25/12/2019 tại ấp ĐB, xã K, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

Kết luận định giá tài sản số 289/KL – HĐĐG ngày 08/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TN, được đính chính tại văn bản số 737/HĐĐG ngày 17/8/2020, kết luận: 01 xe mô tô biển số 60N3 – 2132, nhãn hiệu KRIS, màu đỏ - đen, số máy: 205655, số khung: 205655, đã qua sử dụng, có giá trị là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Sau khi xe được thu hồi, xác định xe có nhãn hiệu KWA, văn bản số 907/HĐĐG ngày 21/9/2020 của Hội đồng tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thống

Nhất cho biết việc xác minh chính xác nhãn hiệu của xe không ảnh hưởng đến kết quả của Kết luận định giá tài sản số 289/KL – HDDG ngày 08/4/2020.

Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển số 60N3 – 2132, nhãn hiệu KWA, loại xe Nữ, màu Đỏ - Đen, số máy: 205655, số khung: 205655. Ngày 17/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất ra Quyết định số 36/QĐ trao trả vật chứng trên cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Minh Tuấn.

Về trách nhiệm dân sự: T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 66/CT.VKS-TN ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Tvề tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

– Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến gì về kết luận định giá, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

– Bị hại trình bày: Đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

– *Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất*: Giữ nguyên cáo trạng số 66/CT.VKS.TN ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an nhân dân huyện Thống Nhất, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội bị cáo:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 25/12/2019 tại nhà của anh T1 tại nhà số ấp DB, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng lúc anh T1 say xỉn đi ngủ, mất cảnh giác, sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60N3 – 2132, nhãn hiệu KWA, loại xe Nữ, màu đỏ đen, số máy

205655, số khung 205655 của anh T và chị M1. Tài sản bị chiếm đoạt có trị giá là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên Tẩu tuối chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà theo quy định của Bộ luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ kết tội bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về hình phạt chính:

[3.1.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3.1.2] Về nhân thân người phạm tội: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 04/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Ninh Thuận tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2014/HSST ngày 04/7/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/8/2015 và đã đóng đủ án phí.

[3.1.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn.

[3.1.4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.1.5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ nhằm trừng trị bị cáo, mà còn giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, cho bị cáo chấp hành hình

phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định để bị cáo được lao động, được học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng..”

Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành án của người phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 60N3 – 2132, nhãn hiệu KWA, loại xe Nữ, màu Đỏ - Đen, số máy: 205655, số khung: 205655 anh L tự nguyện giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất. Ngày 17/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất ra Quyết định số 36/QĐ trao trả vật chứng trên cho chủ sở hữu là anh T1. Hội đồng xét xử nhận định việc giao trả này là đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại xác nhận đã nhận lại tài sản, không có thiệt hại gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử quyết định bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] L có hành vi mua chiếc xe mô tô biển số 60N3 – 2132 nhưng khi mua anh L không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về mức hình phạt là cao so với nhận định của hội đồng xét xử, các đề nghị khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 47 của Bộ luật hình sự.
- Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Tuyên bố:

T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo T 08 (tám) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2020.

4. Về án phí:

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, anh T1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị M1, anh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Viện kiểm sát ND T. Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra huyện Thống Nhất;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thống Nhất;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất;
- Nhà tạm giữ công an H. Thống Nhất.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh